TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2017/HSST
Ngày 15-11-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Võ Văn Dũng
Ông Đặng Ngọc Thương
- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 211/2017/HSST ngày 19 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2017/HSST-QĐXX ngày 30 tháng 10 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh năm 1987 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Xã L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; con ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị T; tiền sự và tiền án: không ; bị bắt ngày 12 tháng 06 năm 2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu (có mặt).

2. Ngô Vĩnh Th, sinh năm 1994 tại Gia Lai; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Số 28/11/3 đường K, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; con ông Hoàng Ngọc C và bà Ngô Thị P; tiền sự và tiền án: không; bị bắt ngày 17 tháng 04 năm 2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu (có mặt).

Bị hại:

1. Nguyễn Lê Thanh S, sinh năm 1994; nơi cư trú: Số 361/21B đường ĐC, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Nguyễn Văn A, sinh năm 1966; nơi cư trú: Số H30 đường L, Phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

3. Cao Xuân D, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số 5.3 Chung cư 326/1 VK, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Lương Huy H, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số 771 đường G, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Phạm Văn G, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 403 đường C, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

2. Trần Hữu N, sinh năm 1997; nơi cư trú: Số 202 đường CH, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 09-04-2017 đến ngày 16-04-2017, Phạm Văn T và Ngô Vĩnh Th rủ nhau đi trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng. Phạm Văn T thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản, Ngô Vĩnh T tham gia thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản cùng Phạm Văn T. Nội dung cụ thể như sau:

Vụ 1: Rạng sáng ngày 09-04-2017, T đi taxi đến khu vực nhà số 48- 50 đường HL, phường H, thành phố V; T thấy anh Nguyễn Lê Thanh S nằm ngủ trên bờ kè, kế bên có dựng 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu đỏ đen biển số 59F1- 907.39, T xuống xe đi bộ đến tiếp cận anh S. T sử dụng dao lam mang theo từ trước rạch túi quần của anh S lấy 01 điện thoại di động MI màu trắng và chìa khóa chiếc xe Yamaha Exciter rồi nổ máy xe bỏ chạy. T bán chiếc xe trên cho Tý Đ (không rõ lai lịch) với giá 13.000.000 đồng, còn điện thoại MI thì T để đâu không nhớ rõ.

Vụ 2: Rạng sáng ngày 12-04-2017, T sử dụng xe Nouvo biển số 72L8-2588 đến nhà số H30 đường L, Phường C, thành phố V của anh Nguyễn Văn A thì phát hiện cửa phòng ngủ lầu 1 không khóa nên T leo hàng rào đột nhập vào trong lấy trộm: 01 điện thoại di động Sony màu trắng, 01 điện thoại Iphone 6S màu đen, 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng, 01 bóp bên trong có 10.000.000đ và một số giấy tờ tùy thân của anh A. T bán 03 điện thoại di động đó cho 03 người khách (không rõ lai lịch) đến chơi game bắn cá tại khu vực tiệm game phía sau Chợ Mới, thành phố V với giá tổng cộng là 5.100.000 đ. Chiếc ví cùng giấy tờ T vứt tại khu vực ngoài biển Bãi Trước, thành phố V.

Vụ 3: Rạng sáng ngày 11-06-2017, T đi đến nhà số 85 đường P, Phường N, thành phố V leo lên lan can phòng ngủ tầng 1 vào trong lấy trộm 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng, 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu đen, 01 điện thoại Oppo F1 màu hồng, tiền mặt 7.296.000 đ của anh Cao Xuân D. T bán 02 điện thoại Iphone cho hai người khách (không rõ lai lịch) chơi game bắn cá tại khu

vực tiệm game bắn cá phía sau Chợ Mới, thành phố V với giá tổng cộng là 7.000.000đồng, chiếc điện thoại Oppo màu hồng T giữ lại sử dụng cho đến khi bị bắt.

Vụ 4: Khoảng 01 giờ ngày 16-04-2017, Ngô Vĩnh Th chở T bằng xe mô tô hiệu Nouvo màu xanh biển số 72L8- 2588 đến số nhà 771 đường G, Phường M, thành phố V của anh Lương Huy H thì T phát hiện cửa sổ tầng một không đóng nên nói Th dừng xe lại đứng ngoài cảnh giới cho T đột nhập vào lấy tài sản. Th đứng tại khu vực ngã ba đường G và đường 51B cảnh giới, T trèo từ nhà bên cạnh đột nhập vào nhà anh H lấy trộm tài sản gồm: 01 điện thoại di động Iphone 6S màu vàng, 01 điện thoại di động Iphone 6S màu hồng, 01 thẻ ngân hàng Sacombank đứng tên Lương Huy H, 01 ví da màu đen bên trong có 1.000.000đ, 02 chứng minh nhân dân, 01 giấy đăng kí xe biển số 72C -32467, 01 giấy phép lái xe đứng tên Lương Huy H, 03 thẻ tín dụng ngân hàng các loại.

Sau khi trộm được tài sản, Th chở T đến phòng trọ 403 đường C, Phường M, thành phố V của Phạm Văn G và Trần Hữu N để chơi. Lúc đó T kiểm tra trong điện thoại anh H có lưu mật khẩu thẻ ATM nên nói với Th. Đến khoảng 03 giờ sáng, Thh chở T đến trụ ATM của ngân hàng Sacombank số 69 đường HP, Phường B, thành phố V. T sử dụng thẻ ATM mới lấy trộm rút được số tiền 17.000.000đ. T chia cho Th 6.000.000đ và 01 điện thoại di động Iphone 6S màu vàng. T bán chiếc điện thoại Iphone 6S màu hồng cho một người khách đến tiệm sửa máy với giá 2.000.000đ.

Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, cơ quan chức năng kiểm tra phòng trọ số 403 đường C, Phường M, thành phố V phát hiện thu giữ chiếc điện thoại di động Iphone 6S màu vàng có số IMEI 353316078754010 trong nhà vệ sinh do Th cất giấu.

Xe mô tô biển số 72L8-2588 là phương tiện T và Th sử dụng trộm cắp tài sản, khi T bỏ trốn đã bỏ lại chiếc xe bên đường nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Phạm Văn G và Trần Hữu N khi cầm điện thoại không biết tài sản có nguồn gốc do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với Tý Đ và những người mua tài sản của T (chưa xác định được nhân thân), cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau theo quy định pháp luật.

Biên bản xác định giá trị tài sản của Hội đồng định giá xác định:

- Tài sản của anh Lê Thanh S : 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu đỏ đen biển số 59F1-907.39 trị giá 52.500.000 đ; 01 điện thoại di động trị giá 800.000 đ. Tổng giá trị 53.300.000 đồng.

- Tài sản của anh Nguyễn Văn A: 01 điện thoại di động Sony trị giá 800.000 đ, 01 điện thoại Iphone 6S trị giá 10.000.000 đ, 01 điện thoại Iphone 6 trị giá 5.500.000 đ, tiền mặt 10.000.000 đ. Tổng giá trị 26.300.000 đồng.

- Tài sản của anh Cao Xuân D: 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng trị giá 7.500.000 đ, 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu đen trị giá 7.500.000 đ, 01 điện thoại Oppo F1 màu hồng trị giá 3.500.000 đ, tiền mặt 7.296.000 đ. Tổng giá trị 25.796.000đồng.

- Tài sản của anh Lương Huy H : 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S màu vàng trị giá 9.500.000 đ, 01 điện thoại di động Iphone 6S màu hồng trị giá 10.000.000 đ, tiền mặt 18.000.000 đ. Tổng giá trị 37.500.000 đồng.

Bản cáo trạng số 165/CT-VKS ngày 15-08-2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố Phạm Văn T về tội " Trộm cắp tài sản " theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; truy tố Ngô Vĩnh Th về tội " Trộm cắp tài sản " theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi các bị cáo Phạm Văn T, Ngô Vĩnh Th thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội " Trộm cắp tài sản ". Đề nghị Hội đồng xét xử áp khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm o, p khoản 1 Điều 46, điểm g Điều 48; Điều 33; khoản 1 Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo T mức án từ 03 đến 04 năm tù. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 33, khoản 1 Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Th mức án từ 18 đến 24 tháng tù.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; các bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết

định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo T xác định trong khoảng thời gian từ ngày 09-04-2017 đến ngày 16-04-2017, bị cáo đã lén lút thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản của những người bị hại trên địa bàn thành phố V. Bị cáo Th xác định tham gia cùng bị cáo T thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản tạm giữ vật chứng, kết quả định giá và các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa.

Xét bị cáo T thực hiện 04 vụ trộm cắp, tài sản bị chiếm đoạt trong 04 vụ đều trị giá trên 2.000.000 đ, chiếm đoạt tài sản có tổng trị giá 142.896.000 đồng. Vì vậy, hành vi bị cáo T thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 với tình tiết định khung hình phạt: chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đ đến dưới 200.000.000 đ.

Bị cáo Th cùng bị cáo T thực hiện 01 vụ trộm cắp, tài sản bị chiếm đoạt trị giá 37.500.000 đ. Xét các bị cáo không bàn bạc thống nhất trước việc thực hiện hành vi phạm tội, sự cấu kết chưa đến mức chặt chẽ, nên hành vi phạm tội các bị cáo thực hiện chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn, không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Vì vậy, hành vi bị cáo Th thực hiện cùng bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

So sánh thấy tội "Trộm cắp tài sản" theo Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định mức tối đa của khung hình phạt nặng nhất nhẹ hơn so với tội " Trộm cắp tài sản " theo Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (hình phạt tù đến 20 năm so với hình phạt tù chung thân). Nên áp dụng khoản 3 Điều 7; Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Xét vai trò các bị cáo trong vụ án: Bị cáo T trộm cắp 04 vụ, là người rủ rê bị cáo Th phạm tội, trực tiếp đột nhập vào nhà chiếm đoạt tài sản, mang tài sản đi tiêu thụ và chia tiền cho đồng phạm. Bị cáo Th là đồng phạm giúp sức tích cực nhưng chỉ tham gia cùng T 01 vụ. Nên xử phạt các bị cáo mức án tương ứng với hành vi phạm tội và tương ứng với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại quyền sở hữu tài sản công dân, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương, gây tâm lý bức xúc cho nhân dân trong cộng đồng dân cư. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Nhân thân bị cáo T đã nhiều lần bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm sửa chữa lỗi lầm, vẫn tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo không có ý thức ăn năn hối cải.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T tự thú về hành vi phạm tội trước đó; thành khẩn khai báo. Bị cáo Th phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự :

- Bị hại Cao Xuân D xác định đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo, nên HĐXX không xem xét.

- Bị hại Nguyễn Lê Thanh S yêu cầu bị cáo T bồi thường tài sản bị mất số tiền 53.300.000 đ.

- Bị hại Nguyễn Văn A yêu cầu bị cáo T bồi thường tài sản bị mất số tiền 26.300.000 đ.

- Bị hại Lương Huy H đã nhận lại 01 điện thoại di động Iphone 6S màu vàng, yêu cầu các bị cáo bồi thường tài sản bị mất số tiền 27.000.000 đ.

- Người liên quan Phạm Văn G, Trần Hữu N không yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo, nên HĐXX không xem xét.

- Tại phiên toà, bị cáo T đồng ý bồi thường cho anh Nguyễn Lê Thanh S số tiền 53.300.000 đ, bồi thường cho anh Nguyễn Văn A số tiền 26.300.000 đ, bồi thường cho anh Lương Huy H 13.500.000 đ; bị cáo Th đồng ý bồi thường cho anh Lương Huy H 13.500.000 đ.

Xét yêu cầu của các đương sự có căn cứ, sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo và các đương sự đúng quy định pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận này.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động Iphone 5s màu trắng (thu của bị cáo Th), bị cáo đã sử dụng làm công cụ phạm tội, nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Về án phí : Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáo còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% giá trị tài sản phải bồi thường.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn T và Ngô Vĩnh Th phạm tội " Trộm cắp tài sản ".

2. Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; các điểm o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 20; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt Phạm Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12 tháng 06 năm 2017.

3. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; các điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 20; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt Ngô Vĩnh Th 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 04 năm 2017.

4. Về trách nhiệm dân sự : Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Phạm Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho anh Nguyễn Lê Thanh S 53.300.000 đ (năm mươi ba triệu ba trăm ngàn đồng); bồi thường cho anh Nguyễn Văn A 26.300.000 đ (hai mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng); bồi thường cho anh Lương Huy H 13.500.000 đ (mười ba triệu năm trăm ngàn đồng).

- Ngô Vĩnh Th có nghĩa vụ bồi thường cho anh Lương Huy H 13.500.000 đ (mười ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 5s màu trắng.

Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số: 174/BB.THA ngày 12-09-2017.

6. Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Phạm Văn T phải nộp 4.655.000 đ (bốn triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngô Vĩnh Th phải nộp 675.000 đ (sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Thanh Hảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công an thành phố Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.